

Số: **3485** /QĐ - BTNMT

Hà Nội, ngày **29** tháng **12** năm **2017**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1”**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1” họp ngày 28 tháng 10 năm 2017;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1” đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện kèm theo Văn bản số VP1-SC/LCC-0569 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tập đoàn Sumitomo Corporation;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1” (sau đây gọi là Dự án) thuộc Trung tâm điện lực Vân Phong trên địa bàn xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được lập bởi Tập đoàn Sumitomo Corporation (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Xây dựng Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 có diện tích 137,11 ha trong tổng diện tích đất của Trung tâm điện lực Vân Phong là 522,5 ha, gồm hai (02) tổ máy có công suất 2x660 MW (công suất tịnh) với các hạng mục chính như sau:

- Khu vực nhà máy chính và hạng mục phụ trợ có diện tích là 49,86 ha.



- Kênh lấy nước làm mát, trạm bơm và khu vực dự phòng có diện tích là 12,82 ha.

- Khu xử lý nước thải sinh hoạt và nhà quản lý vận hành có diện tích là 8,18 ha.

- Kho than khẩn cấp, kho than trộn có diện tích là 6,62 ha.

- Bãi lưu giữ tro, xỉ có diện tích là 52,1 ha.

- Tuyến kênh xả nước làm mát có diện tích là 3,51 ha (hạng mục dùng chung với Nhà máy nhiệt điện Vân Phong 2).

- Khu vực cảng có diện tích là 3,9 ha (hạng mục dùng chung với Nhà máy nhiệt điện Vân Phong 2).

- Diện tích mặt nước có diện tích là 243,96 ha (hạng mục dùng chung với Nhà máy nhiệt điện Vân Phong 2).

- Khu vực công xả nước làm mát có diện tích là 3,19 ha (hạng mục dùng chung với Nhà máy nhiệt điện Vân Phong 2).

1.2. Các hoạt động đền bù, di dân, tái định cư, rà phá bom mìn, khai thác vật liệu xây dựng phục vụ Dự án không thuộc phạm vi của báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về môi trường, không ảnh hưởng đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trong và lân cận khu vực Dự án.

2.2. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục của Dự án phải bảo đảm QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác.

2.3. Thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ đất đá thải, vật, chất nạo vét, các loại chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng những hạng mục công trình của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và không ảnh hưởng đến hoạt động phát triển kinh tế, dân sinh, các hệ sinh thái ven biển khu vực Dự án, trong đó có khu vực nhận chìm và đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

2.4. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải công nghiệp phát sinh trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án, bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_q = 1,0$ và hệ số $K_f = 0,9$) trước khi xả ra môi trường.

2.5. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án, bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A,

hệ số $K = 1,0$) trước khi thải ra kênh thải chung của khu dân cư và tái định cư Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2.6. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý toàn bộ khí thải phát sinh, bảo đảm đạt QCVN 22:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (hệ số $K_v = 0,7$ và hệ số $K_p = 1,0$), QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi phát thải ra môi trường xung quanh, riêng đối với thông số bụi tổng nhỏ hơn 50 mg/Nm^3 theo như cam kết của Chủ dự án.

2.7. Lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc tự động liên tục đối với nước thải, khí thải phát sinh sau xử lý; truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa theo các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các quy định hiện hành khác về bảo vệ môi trường.

2.8. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống tiếp nhận than và các loại nguyên, nhiên liệu, vật liệu khác phục vụ Dự án; bãi lưu giữ tro, xỉ của Dự án, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường xung quanh và các yêu cầu khác về an toàn, vệ sinh môi trường.

2.9. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống lấy và xả nước làm mát; kiểm soát các thông số nhiệt độ và Clo dư của nước làm mát đầu ra, bảo đảm nhiệt độ nhỏ hơn 40°C và Clo dư nhỏ hơn $0,2 \text{ mg/l}$ theo cam kết của Chủ dự án trước khi xả vào môi trường, các thông số khác không được vượt quá giá trị thông số tương ứng của nước làm mát đầu vào và không làm tác động xấu đến hệ sinh thái thủy sinh, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đời sống và sinh kế của dân cư trong khu vực và dự án lân cận.

2.10. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom và thoát nước mưa bảo đảm các yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về vệ sinh môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

2.11. Tiếp tục lấy mẫu, bổ sung, đánh giá thành phần, đặc tính vật, chất tại khu vực dự kiến nạo vét và nhận chìm; thiết kế, làm rõ phương án thi công, công nghệ nạo vét, đổ thải và nhận chìm phù hợp để giảm thiểu các tác động đến môi trường xung quanh; xây dựng và thực hiện chương trình giám sát, quan trắc môi trường liên quan đến hoạt động nạo vét, vận chuyển và nhận chìm trong giai đoạn thi công nhận chìm ở biển, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Mục 3 Nhận chìm ở biển Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 và Chương VIII Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 và chỉ được triển khai thực hiện sau khi có ý kiến thẩm định,

cấp phép nhận chìm và bàn giao khu vực biển để nhận chìm của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2.12. Tổ chức thực hiện các hoạt động nạo vét, vận chuyển và nhận chìm vật, chất ở biển bảo đảm không có tác động xấu tới các hệ sinh thái, đời sống, sinh kế của dân cư trong khu vực dự án và khu vực nhận chìm; thực hiện nhận chìm vật, chất nạo vét trong quá trình thi công xây dựng, vận hành Dự án vào đúng vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp phép.

2.13. Thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với đội ngũ cán bộ và công nhân tham gia các giai đoạn của Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học biển và hải đảo Việt Nam.

2.14. Thực hiện chương trình giám sát, quan trắc môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; lưu giữ số liệu giám sát, quan trắc để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và chỉ được thực hiện triển khai Dự án sau khi đã hoàn tất các công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Tuân thủ các quy định về giao thông đường thủy, phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động; phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định tại Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải và Thông tư số 50/2012/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển tại cảng biển Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

3.3. Tuân thủ các quy định hiện hành về cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành lang bảo vệ nguồn nước, xả nước thải vào nguồn nước trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.



Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 638/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

Nơi nhận:

- Tập đoàn Sumitomo Corporation (để thực hiện);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở TN&MT tỉnh Khánh Hòa;
- Thanh tra Bộ, TCQLĐĐ, Cục QLTTN, TCB&HĐVN;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT(02), LTH.12.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

